

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (Sau đây được viết tắt là “Tổng công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp Điện 3 thành Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Tổng công ty hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 3203000819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 03 năm 2007. Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam có tên giao dịch: Vietnam Electricity Construction Joint Stock Corporation (Viết tắt là VNECO).

Trụ sở chính: 223 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Cơ cấu Tổng công ty tại thời điểm 31/03/2009 như sau:

- **Công ty con:**

Tên đơn vị	Địa chỉ văn phòng chính	Vốn điều lệ thực góp tại 31/03/2009	Tỷ lệ vốn thực góp của VNECO tại 31/03/2009 (%)
I. Công ty con có số liệu hợp nhất trong báo cáo tài chính kỳ này:			
1. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Thành phố Vinh - Nghệ An	13.197.100.000	52,93%
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Thành phố Vinh - Nghệ An	8.224.210.000	52,70%
3. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	11.307.962.888	46,40%
4. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Đồng Hới - Quảng Bình	12.000.000.000	65,73%
5. Công ty CP Tư vấn & Xây dựng VNECO	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	8.384.748.000	60,85%
6. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO	Huyện Nhà Bè - Tp.HCM	90.075.000.000	70,05%
7. Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Thành phố Huế - TT Huế	59.800.000.000	79,24%
8. Công ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An VNECO	Thành phố Vinh - Nghệ An	21.868.021.413	63,50%
9. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO (*)	Khu đô thị Đông Bắc Ga - Phường Đông Thọ - TP. Thanh Hóa		

II. Công ty con không có số liệu hợp nhất trong báo cáo kỳ này:

1. Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNECO Huế (**)
Phú Vang - Thừa Thiên Huế

(*) Đến thời điểm 31/03/2009, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO chưa ghi nhận vốn điều lệ vì phần lớn cổ đông đăng ký góp vốn đang khó khăn về tài chính. Tuy nhiên đơn vị đã được VNECO, ngân hàng thương mại và một số cổ đông khác thu xếp vốn để phục vụ chi phí phát triển dự án, trong đó VNECO thu xếp số vốn là: 15.100.996.378 đồng, Ngân hàng thương mại cho vay 107.700.000 đồng và các cổ đông khác thu xếp số vốn là: 1.294.433.173 đồng. Vì vậy Báo cáo của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO được hợp nhất trong báo cáo quý 1/2009 của tổ hợp VNECO.

(**) Vì tình hình tài chính khó khăn, đến thời điểm 31/03/2009 Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNECO Huế chưa được các cổ đông đăng ký góp vốn, mặt khác kế hoạch triển khai dự án của đơn vị cũng đang tạm ngừng chưa thực hiện. Vì vậy, Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNECO Huế chưa có số liệu Báo cáo tài chính để hợp nhất trong Báo cáo quý 1/2009 của tổ hợp VNECO.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên kết:

	Tên công ty	Địa chỉ văn phòng chính	Vốn điều lệ thực góp tại 31/03/2009	Tỷ lệ vốn thực góp của VNECO tại 31/03/2009 (%)
1.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 1	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	30.000.000.000	28,08%
2.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 2	Thành phố Vinh - Nghệ An	18.611.410.000	31,45%
3.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 5	Thị xã Đông Hà - Quảng Trị	13.500.000.000	30,00%
4.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 6	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	24.225.000.000	37,74%
5.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 7	Thành phố Pleiku - Gia Lai	30.677.700.000	31,16%
6.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 9	TP Nha Trang - Khánh Hoà	31.000.000.000	24,39%
7.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	TP Quy Nhơn - Bình Định	9.984.500.000	30,05%
8.	Công ty CP xây dựng VNECO 11	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	35.000.000.000	47,66%
9.	Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	Khu CN Hòa Khánh - Đà Nẵng	27.516.640.000	43,08%

Công ty mẹ và các Công ty con đầu tư tài chính dài hạn khác:

Tên đơn vị	: Công ty cổ phần Sông Ba
Địa chỉ	: Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng
Vốn điều lệ	: 500.000.000.000 đồng
Vốn VNECO đăng ký	: 95.000.000.000 đồng (tỷ lệ 19%)
Vốn tổ hợp VNECO đã đầu tư đến ngày 31/03/2009	: 26.517.000.000 đồng
Trong đó:	
- Công ty mẹ đầu tư	: 6.517.000.000 đồng
- Các Công ty con đầu tư	: 20.000.000.000 đồng

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng công ty

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong giai đoạn từ 01/01/2009 đến 31/03/2009 gồm:

- Hội đồng quản trị:**

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Đồng	Ủy viên
Ông Phan Anh Quang	Ủy viên
Ông Trần Hồng Thịnh	Ủy viên
Ông Vũ Văn Diêm	Ủy viên (từ nhiệm ngày 09/04/2009)
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Ủy viên

- Ban Giám đốc:**

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Bình	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thành Đồng	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng giám đốc

- ❖ **Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ông: Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp

Vốn điều lệ của Tổng công ty đến thời điểm 31/03/2009 là 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng).

2- Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ . . .

3- Ngành nghề kinh doanh

✓ Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;

✓ Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

✓ Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;

✓ Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;

✓ Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;

✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;

✓ Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;

✓ Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;

✓ Đầu tư tài chính;

✓ Sản xuất và kinh doanh điện;

✓ Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;

✓ Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

✓ Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

✓ Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

✓ Tổng công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

✓ Tổng công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002, Thông tư số 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003, Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/3/2005, Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán.

3- Hình thức kế toán áp dụng

✓ Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

✓ Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, có đầy đủ xác nhận số dư của các Ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

✓ Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

✓ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.

✓ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

✓ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

✓ Tài sản cố định của Tổng công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

✓ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc.

✓ Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- TSCĐ vô hình không phải là quyền sử dụng đất lâu dài được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với thời gian sử dụng ước tính của từng tài sản; đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

✓ Bất động sản đầu tư của Tổng công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: theo nguyên tắc giá gốc.

✓ Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với chuẩn mực số 05 - Bất động sản đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5- Phương pháp ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

✓ Các khoản đầu tư công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu; các khoản đầu tư tài chính khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

✓ Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư có tổn thất Tổng công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 17/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

✓ **Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Chi phí vay vốn ngân hàng phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính (TK 635) khi phát sinh, trừ các khoản lãi vay vốn phục vụ xây dựng cơ bản các công trình được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực số 16 "Chi phí đi vay" Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

✓ **Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:** Tỷ lệ vốn hoá được xác định là 100% cho các khoản chi phí đi vay và các khoản vốn được xác định có nguồn gốc từ vốn vay để phục vụ thi công các công trình xây dựng cơ bản trong kỳ vì thu nhập từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay đó đối với các công trình bằng không.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

✓ **Chi phí trả trước dài hạn:** Chi phí trả trước được vốn hoá của Tổng Công ty trong kỳ bao gồm: Lợi thế thương mại được xác định khi cổ phần hoá Công ty, chiết khấu phát hành trái phiếu, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định . . . Các chi phí này được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty.

✓ **Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Chi phí trả trước của Tổng Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

✓ Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; khoản đã các được đơn vị nhận thi công, các đơn vị thầu phụ ghi nhận vào chi phí của công trình nhưng đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán chưa hoàn thiện đầy đủ các thủ tục để thanh toán với Tổng công ty, vì vậy Tổng công ty chưa có cơ sở để hạch toán ghi nhận công nợ. Tuy nhiên, khối lượng các công trình, các hạng mục công trình đó đã được nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư (đã ghi nhận doanh thu).

✓ Trích trước chi phí sửa chữa lớn: Nhằm đảm bảo giá thành ổn định giữa các kỳ trong năm tài chính căn cứ vào kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt, cuối năm tài chính nếu số trích trước lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì chênh lệch trích thừa được hoàn nhập giảm chi phí trong năm.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

✓ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

✓ Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

✓ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

✓ Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

✓ Doanh thu dịch vụ: được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Đối với phần công việc hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc hoàn thành.

✓ Doanh thu hoạt động xây lắp: được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy; căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Tổng công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

✓ Doanh thu hoạt động tài chính: phản ánh các khoản doanh thu tiền lãi trong kỳ kế toán năm, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm tài chính và cổ tức, lợi nhuận được chia hoặc căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận của Công ty liên doanh, liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

✓ Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

✓ Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	3.653.206.071	4.529.068.256
Tiền gửi ngân hàng	8.593.410.476	42.271.579.428
Tiền đang chuyển	1.976.843	4.317.079
Cộng	12.248.593.390	46.804.964.763

2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn (a)	160.190.600	660.190.600
Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn (b)	(3.940.600)	(3.940.600)
Cộng	156.250.000	656.250.000

(a)- Chi tiết đầu tư tài chính ngắn hạn	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư ngắn hạn cổ phiếu VE9	10.190.600	10.190.600
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 - Tiền gửi ngắn hạn ngân hàng	0	500.000.000
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO - Tiền gửi ngắn hạn ngân hàng	150.000.000	150.000.000
Cộng	160.190.600	660.190.600

(b)- Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 - Dự phòng đầu tư ngắn hạn cổ phiếu VE9	(3.940.600)	(3.940.600)
Cộng	(3.940.600)	(3.940.600)

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ phần trả chậm của người nghèo	2.029.004	3.287.752
Phải thu CBCNV khoản Công ty cho vay tạm thời	218.443.532	506.323.177
Kinh phí Công đoàn	570.860.925	44.745.039
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	265.732.107	124.478.058
Tài sản thiếu chờ xử lý	244.591.419	0
Phải thu khác	228.024.461.724	81.768.939.165
Cộng	229.326.118.711	82.447.773.191

4 - Hàng tồn kho	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng đi đường	0	113.177.995
Nguyên liệu, vật liệu	58.061.801.725	29.777.857.433
Công cụ, dụng cụ	1.256.855.697	1.186.660.605
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	143.728.154.147	116.115.390.034
Thành phẩm	13.762.249.444	11.240.500.831
Hàng hóa	3.177.126.329	3.888.048.256
Cộng giá gốc hàng tồn kho	219.986.187.342	162.321.635.154

5. Thuế và các khoản phải thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	245.804.007	245.804.007
Cộng	245.804.007	245.804.007

7. Phải thu dài hạn khác

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác về giao dịch liên quan đến TSCĐ giữa Tổng Công ty và các Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO	13.554.453.826	21.759.091.062
Cộng	13.554.453.826	21.759.091.062

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ Hữu hình					
Tại 01/01/2009	454.655.771.440	109.056.499.004	43.762.512.292	10.206.738.094	617.681.520.830
Tăng từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009	86.305.730	127.752.860	0	23.618.182	237.676.772
- Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0
- Mua trong năm	86.305.730	127.752.860	0	23.618.182	237.676.772
- Tăng khác	0	0	0	0	0
Giảm từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009	0	22.476.190	1.585.328.680	0	1.607.804.870
- Thanh lý, nhượng bán	0	22.476.190	1.585.328.680	0	1.607.804.870
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Tại 31/03/2009	454.742.077.170	109.161.775.674	42.177.183.612	10.230.356.276	616.311.392.732
Hao mòn Lũy kế					
Tại 01/01/2009	33.240.352.320	40.925.790.836	21.479.596.969	3.157.853.550	98.803.593.675
Tăng từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009	3.569.330.821	2.941.197.639	1.135.496.820	145.152.440	7.791.177.720
- Khấu hao trong kỳ	3.569.330.821	2.941.197.639	1.135.496.820	145.152.440	7.791.177.720
- Tăng khác:	0	0	0	0	0
Giảm từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009	0	22.476.190	1.072.144.787	0	1.094.620.977
- Thanh lý, nhượng bán	0	22.476.190	1.072.144.787	0	1.094.620.977
- Giảm khác:	0	0	0	0	0
Tại 31/03/2009	36.809.683.141	43.844.512.285	21.542.949.002	3.303.005.990	105.500.150.418
Gt còn lại TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2009	421.415.419.120	68.130.708.168	22.282.915.323	7.048.884.544	518.877.927.155
Tại 31/03/2009	417.932.394.029	65.317.263.389	20.634.234.610	6.927.350.286	510.811.242.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bảng phát minh sáng chế	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Tại 01/01/2009	33.348.885.349	50.086.320	862.000.121	34.260.971.790
<i>Tăng từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	0	0	0
- Mua trong kỳ	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0
<i>Giảm từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 31/03/2009	33.348.885.349	50.086.320	862.000.121	34.260.971.790
Hao mòn				
Tại 01/01/2009	1.659.979.587	50.086.320	498.252.265	2.208.318.172
<i>Tăng từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	89.895.037	0	23.879.739	113.774.776
- Khấu hao trong kỳ	89.895.037	0	23.879.739	113.774.776
- Tăng khác	0	0	0	0
<i>Giảm từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 31/03/2009	1.749.874.624	50.086.320	522.132.004	2.322.092.948
Gt còn lại TSCĐ vô hình				
Tại 01/01/2009	31.688.905.762	0	363.747.856	32.052.653.618
Tại 31/03/2009	31.599.010.725	0	339.868.117	31.938.878.842

11/ Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang hợp nhất

	31/03/2009 VND	01/01/2009 VND
(*) Một số công trình lớn		
- DA đầu tư khu Du lịch Xanh Lãng Cô (VNECO)	8.671.787.640	8.666.871.640
- DA đầu tư Khu Du lịch sinh thái Hoành Sơn (VNECO)	3.036.126.821	3.036.126.821
- DA đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế (VNECO)	13.056.361.506	12.844.499.096
- DA đầu tư khu ở phân lô, đường Nguyễn Chánh, Hoà Khánh (VNECO)	15.087.130.462	14.794.415.169
- DA đầu tư Thủy Điện ĐăkPring (VNECO)	2.116.273.250	2.113.273.250
- DA đầu tư Thủy Điện ChàVal (VNECO)	1.139.561.672	1.139.561.672

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- DA đầu tư Thủy Điện Sông Chò (VNECO)	5.409.737.508	5.409.737.508
- Dự án Siêu Thị GREEN MART (Đà Nẵng) (VNECO)	32.688.596.411	32.025.655.263
- Dự án Khu dân cư VNECO 10,7HA thuộc Xã Tân Túc, H. Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh (VNECO)	61.309.152.066	53.437.305.262
- Dự án khu cao ốc VP VNECO tại Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Hồ Chí Minh (VNECO)	19.736.531.819	16.797.566.978
- Dự án xây dựng tại 277 Bến Bình Đông (tại Công ty MÊCA VNECO)	81.117.773.667	80.091.003.168
- Dự án đầu tư XD Nhà máy BTLT Đắc Nông (tại Công ty VNECO 8)	1.130.777.350	1.119.722.350
- DA Thủy Điện Hồi Xuân (tại Công ty Hồi Xuân VNECO)	12.461.375.051	11.841.936.743
- Một số dự án khác	1.244.292.792	1.248.769.448
Cộng	258.205.478.015	244.566.444.368

13- Đầu tư dài hạn khác

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (*)	26.917.000.000	26.917.000.000
Đầu tư trái phiếu (**)	5.000.000	5.000.000
Cộng	26.922.000.000	26.922.000.000

Trong đó:

(*) Đầu tư cổ phiếu, chi tiết như sau:

- Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	6.517.000.000
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Đạm Phú Mỹ	158.000.000
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Sacombank	242.000.000
- Công ty CP CP Tư vấn và Xây dựng VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000
- Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000
- Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000
Cộng	26.917.000.000

() Đầu tư Trái phiếu**

Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư vào Trái phiếu giáo dục	5.000.000
Cộng	5.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14- Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại	675.820.674	675.820.674
- Giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí thanh toán dài hạn khác	26.655.079.756	29.512.474.204
- Chi phí phát hành trái phiếu	3.840.833.331	4.112.777.775
- Chi phí trả trước dài hạn và chờ phân bổ khác	6.079.668.660	5.357.201.578
Cộng	37.251.402.421	39.658.274.231

15- Vay và nợ ngắn hạn

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	379.710.697.864	360.882.611.474
Cộng	379.710.697.864	360.882.611.474

(*) Trong đó khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại, chi tiết như sau:

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Công ty mẹ vay	296.681.195.871	284.605.557.203
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đà Nẵng	26.000.000.000	30.238.753.600
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	170.194.767.436	127.083.176.206
+ Tại Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	98.362.945.435	127.283.627.397
+ Tại Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	2.123.483.000	0
- Các Công ty con vay	83.029.501.993	76.277.054.271
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3	856.322.822	362.746.150
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	4.800.000.000	4.740.000.000
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12	10.768.788.914	8.546.796.247
+ Công ty CP Đầu tư và XD Điện MÊCA VNECO	58.245.619.595	55.194.209.416
+ Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	5.790.136.162	4.962.081.458
+ Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	2.460.934.500	2.471.221.000
+ Công ty CP Đầu tư và XD Điện Hồi Xuân VNECO	107.700.000	0
Cộng	379.710.697.864	360.882.611.474

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.277.197.005	1.940.037.820
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.266.687	34.265.240
Thuế thu nhập doanh nghiệp	738.448.968	825.374.892
Thuế thu nhập cá nhân	62.199.814	14.818.077
Cộng	2.092.112.474	2.814.496.029

17- Chi phí phải trả

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí trích trước cho các công trình (*)	27.800.311.199	86.475.773.399
Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả (**)	9.971.314.804	7.073.751.845
Chi phí phải trả khác (***)	15.300.000	46.520.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cộng	37.786.926.003	93.596.045.302
-------------	-----------------------	-----------------------

Trong đó:

(*) Chi phí trích trước tổ hợp VNECO phải trả cho đơn vị thi công các công trình đến thời điểm 31/03/2009 chi tiết như sau:

- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công mạng truyền hình nhà công vụ số 8 Bạch Đằng T26	498.687.000
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công lắp đặt HT mạng khu du lịch Dung Quất - Quảng Ngãi	864.633.986
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT Camera Ngân hàng NN&PTNT, Chi nhánh Chợ Cồn	65.936.364
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT mạng tổng đài điện thoại Ngân hàng NN&PTNT, Chi nhánh Chợ Cồn	82.893.818
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT Mạng trung tâm huấn luyện nghiệp vụ ngân hàng	146.845.419
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Đz 220kV Đồng Hới - Huế	356.702.457
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (gói số 6)	100.741.869
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Thanh Thủy - Hà Giang - Tuyên Quang	1.167.222.158
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công TBA 500kV Ô Môn	3.498.434.285
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Đz 220kV NMD Cà Mau - Rạch Giá	2.104.282.726
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Đz 220kV Ô Môn - Thốt Nốt	4.373.222.166
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Đz 220kV Ô Môn - Sóc Trăng	6.570.215.019
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV TĐ Đồng Nai 3 - Trạm 500kV Đăk Nông	131.798.757
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng lắp đặt HT cột ăngten Huawei	399.822.923
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Khu cao ốc K/ sạn Văn Phòng 223 Trần Phú ĐN	2.442.314.559
- Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Công trình Thủy điện A Roàng - Thừa Thiên Huế	615.080.000
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	124.298.455
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	1.195.013.355
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	3.062.165.883
Cộng	27.800.311.199

() Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả đến thời điểm 31/03/2009, chi tiết như sau:**

- Công ty mẹ dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	9.925.814.804
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	45.500.000
Cộng	9.971.314.804

(*) Chi phí phải trả khác đến thời điểm 31/03/2009, chi tiết như sau:**

- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 trích trước phải trả thù lao HĐQT và thù lao Ban kiểm soát	15.300.000
Cộng	15.300.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	21.322.233	0
Kinh phí công đoàn	743.749.820	826.958.490
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế	1.176.433.422	1.599.722.141
Cổ tức phải trả	15.940.327.389	15.480.876.688
Phải trả về cổ phần người nghèo trả chậm	30.428.571	30.428.571
Phải trả về cổ phần hóa (vốn người nghèo trả chậm trong 10 năm)	1.595.560.000	1.595.560.000
Các khoản phải trả khác (*)	37.894.794.412	24.537.178.476
Cộng	57.402.615.847	44.070.724.366

(*) Trong đó các khoản phải trả, phải nộp khác tại 31/03/2009, chi tiết như sau:

- Các khoản phải trả, phải nộp khác tại Công ty mẹ	34.624.888.189
+ Phải trả khoản lãi trái phiếu doanh nghiệp	25.375.000.000
+ Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Công ty cổ phần ĐT và TM VNECO Hà Nội	60.000.000
+ Phải trả, phải nộp khác	2.610.789.931
+ GT tiền đền bù phải trả cho Ban QLDA các lưới điện Miền Trung	73.192.203
+ GT tiền đền bù phải trả cho Ban QLDA các lưới điện Miền Nam	102.760.423
+ Phải trả khác cho các Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO	6.403.145.632
- Các khoản phải trả, phải nộp khác tại các Công ty con	3.269.906.223
Cộng	37.894.794.412

20- Vay và nợ dài hạn

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	454.021.009.769	471.168.377.990
Trái phiếu phát hành tại Công ty mẹ (**)	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	954.021.009.769	971.168.377.990

(*) Trong đó vay dài hạn Ngân hàng thương mại, chi tiết như sau:

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Công ty mẹ vay	421.403.593.603	437.006.933.689
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đà Nẵng	73.377.478.388	73.377.478.388
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	111.223.782.661	115.773.782.661
+ Tại Ngân hàng Công thương Liên Chiểu	9.766.565.320	18.191.409.172
+ Tại Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	13.818.672.967	16.211.272.967
+ Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng	2.350.039.383	447.239.708
+ Tại Ngân hàng Công thương Huế	507.711.410	2.350.039.383
+ Tại Ngân hàng TMCP Quân đội Đà Nẵng	210.000.000.000	655.711.410
+ Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Hòa Khánh	359.343.474	210.000.000.000
- Các Công ty con vay	32.617.416.166	34.161.444.301
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	6.092.303.682	6.701.331.817
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12	1.240.000.000	1.437.500.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

+ Công ty CP Đầu tư và XD Điện MÊCA VNECO	20.560.112.484	20.560.112.484
+ Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	0	737.500.000
+ Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	4.725.000.000	4.725.000.000

Cộng	454.021.009.769	471.168.377.990
-------------	------------------------	------------------------

(**)

Loại trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm
Mệnh giá trái phiếu:	100.000 đồng/Trái phiếu
Số lượng:	5.000.000 trái phiếu
Lãi suất:	10,15%/năm
Ngày phát hành:	28/09/2007
Ngày đáo hạn:	28/09/2012
Thời hạn:	5 năm

22- Nguồn vốn chủ sở hữu:**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu:**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn góp)	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ
Số dư đầu quý 1 năm 2008	320.000.000.000	2.846.062.470	332.542.070	(17.985.778.149)
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0
- Tăng khác	0	117.398.043	327.902.789	(3.249.284.986)
- Giảm vốn trong kỳ (cô tức năm 2007 phải trả cho cổ đông)	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0
- Giảm khác	0	113.695.202	332.542.070	(42.738.149)
Số dư cuối quý 4 năm 2008, số dư đầu quý 1 năm 2009	320.000.000.000	2.849.765.311	327.902.789	(21.192.324.986)
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Số dư cuối quý 1 năm 2009	320.000.000.000	2.849.765.311	327.902.789	(21.192.324.986)

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chỉ tiêu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu quý 1 năm 2008	4.825.682.709	3.133.297.611	100.531.592	49.176.341.338	362.428.679.642
- Tăng vốn trong kỳ	0		0		0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	2.601.143.905	2.601.143.905
- Tăng khác	2.888.554.425	3.406.518.213	240.230.955	55.862.679.507	59.593.998.947
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	78.134.782.939	78.134.782.939
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0	0
- Giảm khác	1.952.267.332	1.228.080.929	123.802.752	31.639.729.846	35.347.379.982
Số dư cuối quý 4 năm 2008, số dư đầu quý 1 năm 2009	5.761.969.802	5.311.734.895	216.959.795	(2.134.348.035)	311.141.659.571
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	(25.779.838.904)	(25.779.838.904)
- Tăng khác	0	41.020.567	0	58.667.469.697	58.708.490.264
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	28.702.731.888	28.702.731.888
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0	0
- Giảm khác	196.776.444	0	41.740.173	30.324.362.788	30.562.879.405
Số dư cuối quý 1 năm 2009	5.565.193.358	5.352.755.462	175.219.622	(28.273.811.919)	284.804.699.637

Các biến động trong bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu trong quý 1 năm 2009, chi tiết như sau:

- Chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối:

- + Lãi trong kỳ (theo bảng báo cáo hoạt động KQKD giữa niên độ quý 1/2009) : (25.779.838.904) đồng
- + Tăng khác: Do điều chỉnh tăng các khoản lãi khác theo quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất : 58.667.469.697 đồng
- + Giảm vốn trong kỳ: Do điều chỉnh khoản chênh lệch đầu kỳ và cuối kỳ trong chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối tại các đơn vị được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất : 28.702.731.888 đồng
- + Giảm khác: Do điều chỉnh giảm khác theo quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất : 30.324.362.788 đồng

- Chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển:

- + Giảm khác do điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số và điều chỉnh lợi ích của Công ty mẹ trong các Công ty liên kết khi hợp nhất báo cáo : 196.776.444 đồng

- Chỉ tiêu Quỹ Dự phòng tài chính:

- + Tăng khác do điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số và điều chỉnh lợi ích của Công ty mẹ trong các Công ty liên kết khi hợp nhất báo cáo : 41.020.567 đồng

- Chỉ tiêu Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

- + Giảm khác do điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số và điều chỉnh lợi ích của Công ty mẹ trong các Công ty liên kết khi hợp nhất báo cáo : 41.740.173 đồng

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/03/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn góp của Nhà nước	94.500.000.000	94.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	225.500.000.000	225.500.000.000
Cộng	<u>320.000.000.000</u>	<u>320.000.000.000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận đã chia

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	0	0
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	320.000.000.000	320.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	2.849.765.311	2.849.765.311
- Cổ phiếu Ngân quỹ (*)	(21.192.324.986)	(21.192.324.986)

(*) Trong đó Cổ phiếu Ngân quỹ tại thời điểm 31/03/2009, chi tiết như sau:

- Tại Công ty mẹ	(17.943.040.000)
- Tại 3 công ty con	(3.006.819.150)
- Lợi ích của Công ty mẹ trong các Công ty liên kết do các Công ty liên kết mua cổ phiếu của chính đơn vị đó phát hành	(242.465.836)

đ- Cổ phiếu

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	32.000.000
- Số lượng cổ phiếu Nhà nước nắm giữ (do SCIC đại diện)	9.450.000	9.450.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng(*)	22.550.000	22.550.000
+ Cổ phiếu phổ thông	22.550.000	22.550.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại tại Công ty mẹ	278.920	278.920
- Số lượng cổ phiếu các Công ty con đầu tư mua CP VNE	90.600	90.600
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.630.480	31.630.480
+ Cổ phiếu phổ thông	31.630.480	31.630.480
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

(*) Đây là số lượng cổ phần đã được bán ra ngoài công chúng; số còn lại 9.450.000 cổ phần là vốn của Nhà nước (SCIC) đầu tư.

đ- Các quỹ của doanh nghiệp

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.565.193.358	5.761.969.802
- Quỹ dự phòng tài chính	5.352.755.462	5.311.734.895
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.314.505.334	6.164.960.636

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**27- Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Quý 1/2009	Quý 1/2008
VND	VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Doanh thu bán hàng	12.132.165.982	2.097.009.091
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.401.241.734	16.581.101.146
Doanh thu hợp đồng xây lắp	16.118.797.622	41.108.339.861
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	4.975.237	136.769.333
Cộng	46.657.180.575	59.923.219.431

28- Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2009	Quý 1/2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	145.933.649	168.453.610
Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	(17.938.539)
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	664.661	113.888.848
Lợi nhuận đầu tư cổ phiếu	0	0
Doanh thu hoạt động tài chính khác	584.579.510	49.055.502
Cộng	731.177.820	313.459.421

29- Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2009	Quý 1/2008
	VND	VND
Giá vốn cung cấp hàng hóa	9.363.681.216	9.517.599.203
Giá vốn dịch vụ cung cấp	17.356.238.345	3.904.215.045
Giá vốn hợp đồng xây lắp	15.513.029.331	34.133.824.883
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	26.873.301	80.674.676
Cộng	42.259.822.193	47.636.313.807

30- Chi phí tài chính

	Quý 1/2009	Quý 1/2008
	VND	VND
Lãi tiền vay (*)	25.838.238.586	10.749.694.831
Chiết khấu thanh toán	0	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	213.427	1.600.318
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	0	0
Chi phí tài chính khác	6.279.682	78.417.915
Cộng	25.844.731.695	10.829.713.064

(*), Trong đó, lãi tiền vay đã trả trong quý 1 năm 2009 như sau:

- Chi phí đi vay vốn tại Công ty mẹ	20.852.700.521
- Chi phí đi vay vốn tại các Công ty con	4.985.538.065
Cộng	25.838.238.586

31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Quý 1/2009	Quý 1/2008
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	104.546.578	399.145.669
Cộng	104.546.578	399.145.669

GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH*Trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2009*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2009 của tổ hợp Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, những chỉ tiêu sau có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm cơ bản so với Quý 1 năm 2008:

1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh giảm

Quý 1 năm 2008	:	59.923.219.431 VND
Quý 1 năm 2009	:	46.657.180.575 VND
Giảm	:	13.266.038.856 VND - tương đương 22,14%

Nguyên nhân: Doanh thu giảm do các công trình triển khai thi công cuối năm 2008 đầu năm 2009 chưa nghiệm thu thanh toán kịp trong quý 1 năm 2009. Vì vậy, doanh thu trong quý giảm.

2. Giá vốn hàng bán giảm

Quý 1 năm 2008	:	47.636.313.807 VND
Quý 1 năm 2009	:	42.259.822.193 VND
Giảm	:	5.376.491.614 VND - tương đương 11,29%

Nguyên nhân: Do doanh thu giảm, tuy nhiên do trích tăng khấu hao phân kinh doanh dịch vụ, khách sạn làm cho tỷ lệ giảm giá vốn nhỏ hơn tỷ lệ giảm doanh thu làm giảm tỷ lệ lãi gộp.

3. Chi phí hoạt động tài chính tăng

Quý 1 năm 2008	:	10.829.713.064 VND
Quý 1 năm 2009	:	25.844.731.695 VND
Tăng	:	15.015.018.631 VND

Nguyên nhân: Do lãi vay vốn phải trả ngân hàng về đầu tư xây dựng công trình khách sạn Green Plaza, vốn vay phục vụ kinh doanh tăng so với quý 1 năm 2008 làm chi phí lãi vay tăng lên.

4. Chi phí Quản lý doanh nghiệp tăng

Quý 1 năm 2008	:	3.320.589.682 VND
Quý 1 năm 2009	:	6.672.509.951 VND
Tăng	:	3.351.920.269 VND

Nguyên nhân: Do trích khấu hao tài sản cố định, phân bổ công cụ dụng cụ và chi phí nhân viên bộ phận quản lý khách sạn Green Plaza, các khoản chi phí này tại quý 1 năm 2008 chưa phát sinh.

---> Các nguyên nhân trên đã làm cho lợi nhuận của tổ hợp quý 1 năm 2009 giảm so với quý 1 năm 2008. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ quý 1 năm 2009 là (25,779) tỷ đồng.

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 04 năm 2009

Người lập
(Đã ký)
Trần Quang Cần

Kế toán trưởng
(Đã ký)
Phan Anh Quang

Tổng Giám đốc
(Đã ký)
Đoàn Đức Hồng